HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN THỊ MAI ANH

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM LÃNH ĐẠO CÔNG TÁC THÔNG TIN ĐỐI NGOẠI GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ

NGÀNH: XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ CHÍNH QUYỀN NHÀ NƯỚC

Mã số: 9310202

HÀ NỘI - 2026

Công trình được hoàn thành tại
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Người hướng dẫn khoa học: **PGS.TS. Nguyễn Ngọc Ánh**

Phản biện 1: .....

.....

Phản biện 2: .....

.....

Phản biện 3: .....

.....

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng đánh giá luận án
cấp Học viện tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
Vào hồi.....giờ.....ngày.....tháng.....năm 2026

Có thể tìm hiểu luận án tại: Thư viện Quốc gia
và Thư viện Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Công tác thông tin đối ngoại (TTĐN) là một bộ phận quan trọng của công tác tư tưởng, đối ngoại và xây dựng hình ảnh quốc gia, góp phần quảng bá đất nước, con người, đường lối, chính sách của Việt Nam ra thế giới. Trong giai đoạn hiện nay, khi Việt Nam đang đẩy mạnh triển khai đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, thì việc bảo đảm thông tin chính xác, kịp thời, có định hướng chiến lược là yêu cầu khách quan. Điều này đòi hỏi sự lãnh đạo tập trung, thống nhất của Đảng nhằm giữ vững định hướng chính trị, bảo đảm tính nhất quán trong đường lối đối ngoại của Đảng và nâng cao hiệu quả truyền thông đối ngoại.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, TTĐN đã trở thành một nguồn lực đặc biệt quan trọng, có vai trò định hình nhận thức, chi phối dư luận và tác động trực tiếp đến vị thế, uy tín của mỗi quốc gia. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, sự bùng nổ của công nghệ số và các nền tảng truyền thông mới đã làm cho không gian TTĐN trở nên đa chiều, phức tạp, vừa mở ra cơ hội lớn, vừa đặt ra nhiều thách thức đối với công tác TTĐN của Việt Nam. Trong điều kiện đó, yêu cầu tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác TTĐN trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết.

Nhận thức được vai trò quan trọng của công tác TTĐN và trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn hiện nay, cùng với sự gia tăng của các hoạt động "diễn biến hòa bình", chiến tranh thông tin, chiến tranh mạng đã làm cho môi trường thông tin quốc tế trở nên phức tạp, khó lường. Các thế lực thù địch, phản động triệt để lợi dụng không gian mạng nhằm xuyên tạc đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, kích động, gây chia rẽ, làm suy giảm niềm tin của nhân dân và bạn bè quốc tế đối với Việt Nam, Đảng ta đã xác định rõ nội dung trong lãnh đạo công tác TTĐN phù hợp với tình hình thực tiễn hiện nay, ban hành các văn bản về công tác TTĐN như: Chỉ thị số 11-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa VII ngày 13-

6-1992 về đổi mới và tăng cường công tác TTĐN, thành lập Ban Chỉ đạo công tác TTĐN theo Quyết định số 16-QĐ/TW ngày 27-12-2001 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa IX), Chỉ thị số 26/CT-TW ngày 10-9-2008 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa X) *về tiếp tục đổi mới và tăng cường công tác* thông tin đối ngoại *trong tình hình mới,* kết luận số 57-KL/TW ngày 15/6/2023 về tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác TTĐNtrong tình hình mới xác định rõ quan điểm "Không ngừng đổi mới nội dung, đa dạng hóa phương thức thông tin đối ngoại theo phương châm "Chủ động, đồng bộ, kịp thời, sáng tạo, hiệu quả", và gần đây nhất là Nghị quyết số 59-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 24/01/2025 về hội nhập quốc tế trong tình hình mới, đánh dấu bước phát triển quan trọng trong tư duy của Đảng về đối ngoại và hội nhập quốc tế. Văn kiện Đại hội XIV của Đảng đã khẳng định: "Chủ động, tích cực triển khai hiệu quả công tác thông tin đối ngoại, hợp tác quốc tế trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, góp phần khẳng định, nâng cao uy tín và vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế", đặt ra yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới, đặc biệt là nhiệm vụ giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước, đòi hỏi phải phát huy mạnh mẽ "sức mạnh mềm" quốc gia, trong đó TTĐN giữ vai trò nòng cốt.

Tuy nhiên, thực tiễn lãnh đạo công tác TTĐN thời gian qua cho thấy, bên cạnh những ưu điểm, sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác TTĐN vẫn còn những hạn chế. Một số cấp uỷ, tổ chức đảng và chính quyền quán triệt và tổ chức thực hiện công tác TTĐN chưa thật nghiêm túc, hiệu quả chưa cao. Vì vậy, hiệu quả triển khai công tác TTĐN ở một số nơi chưa thực sự rõ nét và đồng đều. Sự phối hợp giữa các cơ quan, bộ, ngành, dưới sự lãnh đạo của Đảng chưa thực sự nhịp nhàng, đồng bộ, chưa có cơ chế rõ ràng, nhất là trong phân vai, phân nhiệm; việc xác định, hoàn thiện cơ chế, chế tài xử lý các vấn để liên quan đến hoạt động TTĐN còn lúng túng. Bên cạnh đó, năng lực công tác phân tích, dự báo, chủ động chiếm lĩnh mặt trận dư luận chưa thực sự đáp ứng được những chuyển biến nhanh chóng và khó lường của tình hình quốc tế; việc nghiên cứu các xu hướng của truyền thông

quốc tế, những vấn đề cần thúc đẩy, thông tin cần hạn chế tuyên truyền chưa được thực hiện tốt; phản ứng trước những vấn đề lớn, chính vì vậy, đôi khi những nghị quyết và định hướng lớn của Đảng có lúc chưa theo kịp sự phát triển của tình hình thực tiễn. Những hạn chế này đặt ra yêu cầu cần tiếp tục đổi mới tư duy, hoàn thiện cơ chế, nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng đối với công tác TTĐN, nhằm đáp ứng yêu cầu của tình hình mới.

Trong bối cảnh hiện nay, thế giới và khu vực sẽ tiếp tục có nhiều biến động nhanh chóng và khó lường, đặc biệt là cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư sẽ tạo ra những tác động mạnh mẽ, nhiều chiều. Trong bối cảnh đó, các nước dù lớn hay nhỏ đều tăng cường công tác TTĐN, quảng bá hình ảnh đất nước nhằm tạo dựng lòng tin, củng cố ảnh hưởng và gia tăng "sức mạnh mềm" quốc gia. Đảng Cộng sản Việt Nam cần tăng cường lãnh đạo và nâng cao hiệu quả công tác TTĐN không chỉ góp phần tạo dựng niềm tin, tranh thủ sự ủng hộ của cộng đồng quốc tế, mà còn góp phần bảo vệ chủ quyền, lợi ích quốc gia - dân tộc từ sớm, từ xa bằng các biện pháp hòa bình. Điều đó càng khẳng định tính tất yếu và cấp thiết của việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác TTĐN.

Xuất phát từ yêu cầu đó, nghiên cứu sinh lựa chọn nghiên cứu đề tài: ***"Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo công tác thông tin đối ngoại giai đoạn hiện nay"*** có tính cấp thiết cả về lý luận và thực tiễn.

2. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu của luận án

2.1. Mục đích

Nghiên cứu làm rõ những vấn đề lý luận, thực tiễn, trên cơ sở đó, Luận án đề xuất phương hướng và giải pháp chủ yếu tăng cường sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với công tác TTĐN trong giai đoạn hiện nay.

2.2. Nhiệm vụ

Một là, tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án; khái quát kết quả nghiên cứu của các công trình khoa học và xác định những nội dung luận án cần tập trung nghiên cứu trong quá trình thực hiện đề tài.

Hai là, làm rõ những vấn đề lý luận Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo công tác TTĐN, như: khái niệm, vị trí, vai trò, nội dung, phương thức lãnh đạo công tác TTĐN của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Ba là, khảo sát, đánh giá đúng thực trạng sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với công tác TTĐN trong thời gian qua, chỉ rõ nguyên nhân và rút ra những kinh nghiệm.

Bốn là, xác định phương hướng và đề xuất những giải pháp chủ yếu tăng cường sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với công tác TTĐN đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2045.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với công tác TTĐNgiai đoạn hiện nay.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- *Phạm vi về nội dung:* Luận án tập trung nghiên cứu sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với công tác thông tin đối ngoại trên các lĩnh vực sau: Tuyên truyền thông tin về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước Việt Nam ra thế giới; Thông tin tuyên truyền trong đấu tranh dư luận, chống "diễn biến hòa bình"; TTĐN trong hoạt động kinh tế, văn hóa.

- *Phạm vi về không gian*: Luận án tập trung nghiên cứu sự Đảng lãnh đạo công tác TTĐN ở các ban, bộ, ngành của Trung ương, có minh chứng qua một khảo sát tại một số địa phương cụ thể.

- *Phạm vi về thời gian:* Luận án tập trung nghiên cứu sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác TTĐN từ năm 2012, khi Bộ Chính trị (khóa XI) đã ban hành Kết luận số 16-KL/TW, là văn bản chiến lược đầu tiên của Đảng về Chiến lược phát triển thông tin đối ngoại giai đoạn 2011 - 2020. Các số liệu, tư liệu điều tra, khảo sát chủ yếu từ năm 2012 đến năm 2026; các giải pháp có giá trị đến năm 2045.

4. Cơ sở lý luận, thực tiễn và phương pháp nghiên cứu của luận án

4.1. Cơ sở lý luận

Luận án được thực hiện trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về đối ngoại và công tác TTĐN.

4.2. Cơ sở thực tiễn

Luận án được nghiên cứu trên cơ sở thực tiễn lãnh đạo công tác TTĐN của Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 2012 đến nay.

4.3. Phương pháp nghiên cứu

Luận án được thực hiện trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, đồng thời sử dụng các phương pháp liên ngành: lịch sử gắn với lôgic, phân tích gắn với tổng hợp, so sánh, điều tra, khảo sát, phương pháp tổng kết thực tiễn và phương pháp chuyên gia…

Ngoài ra, trong quá trình thực hiện, tác giả đã thường xuyên sử dụng các phương pháp diễn dịch kết hợp quy nạp nhằm phân tích, luận giải, sơ kết, tổng kết các vấn đề ở tất cả các chương của luận án.

5. Đóng góp mới của luận án

Thứ nhất, làm rõ khái niệm: Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo công tác TTĐN giai đoạn hiện nay; *Thứ hai,* kết quả phân tích thực tiễn đã giúp luận án khái quát hóa bài học kinh nghiệm về lãnh đạo phối hợp chặt chẽ hoạt động của các tổ chức, lực lượng, tạo sức mạnh tổng hợp trong tiến hành công tác TTĐN; *Thứ ba,* đề xuất hai giải pháp có tính đặc thù và đột phá: một là, lãnh đạo đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng đối với công tác TTĐN.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

6.1. Ý nghĩa lý luận

Luận án góp phần làm rõ thêm những vấn đề lý luận của Đảng lãnh đạo công tác TTĐN trong giai đoạn hiện nay.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Kết quả nghiên cứu của luận án có thể dùng làm tài liệu tham khảo cho các bộ, ban, ngành về công tác TTĐN trong quá trình lãnh đạo công tác TTĐN giai đoạn hiện nay; đồng thời có thể làm tài liệu tham khảo phục vụ nghiên cứu, giảng dạy và học tập tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và các trường chính trị tỉnh, thành phố trên cả nước.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục công trình khoa học của tác giả đã công bố liên quan đến luận án, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, kết cấu của luận án gồm 4 chương, 9 tiết.

Chương 1
TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1. CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU Ở NGOÀI NƯỚC

1.1.1. Các công trình nghiên cứu về đối ngoại, thông tin đối ngoại

Gerald Segal (2005), *Openness and Foreign Policy Reform in Communist States* (*Cải cách chính sách đối ngoại và mở cửa ở các quốc gia cộng sản*); Richard C Vincent (2007), *Global Communication and Propaganda (Truyền thông và Tuyên truyền toàn cầu)*; Daya Kishan Sosu (2009), *International Communication* (*Truyền thông quốc tế*) **;** William Hachten và James F.Scotton (2011), *The World News Prism - Challenges of Digital Communication* (*Lăng kính tin tức thế giới - Những thách thức của truyền thông kỹ thuật số*) **;** Manuel Adolphsen (2014), *Communication Strategies of Governments and NGOs: Engineering Global Discourse at High-Level International Summits* (Chiến lược truyền thông của các chính phủ và các tổ chức phi chính phủ: Kiến tạo diễn ngôn toàn cầu tại các hội nghị thượng đỉnh quốc tế cấp cao); Zhang Qingmin (2014), *Contemporary China's Diplomacy* (*Ngoại giao của Trung Quốc hiện nay*); Cục đối ngoại Bộ Quốc Phòng (2015), *Lịch sử công tác đối ngoại của Quân đội nhân dân Lào giai đoạn 1945-2015*; G.R. Berridge (2015), "*Public Diplomacy*" (Ngoại giao công chúng); Ashu MG Solo (2016), *Political Campaigning in the Information Age* (*Vận động chính trị trong thời đại thông tin*); Armand Mattelart & Michele Mattelart (Dịch giả: Hồ Thị Hòa) (2018*): History of communication theories* (*Lịch sử các lý thuyết truyền thông*); Arnaud Mercier (2020), *Political communication* (*Truyền thông chính trị*); Denis McQuail, Mark Deuze (2020), *Media and Mass Communication Theory* (*Lý thuyết truyền thông đại chúng và phương tiện truyền thông*); Pawel Surowiec & Ilan Manor (eds.) (2021), *Public Diplomacy and the Politics of Uncertainty* (Ngoại giao công chúng và nền chính trị bất định; Mark Deuze (2023), *Life in Media: A Global Introduction to Media Studies* (*Cuộc sống trong truyền thông: Giới thiệu toàn cầu về nghiên cứu truyền*

thông); Harold D. Lasswell (2023) Thảo Minh (dịch), *Propaganda techniques in world war* (*Kỹ thuật tuyên truyền trong thế chiến*); Yuval Noah Harari (2024) *"Nexus - A Brief History of Information Networks from the Stone Age to Artificial Intelligence"* (*Nexus - Lược sử của những mạng lưới thông tin từ thời đại đồ đá đến trí tuệ nhân tạo*); Atsushi Tago (2024), "*Public Diplomacy and Foreign Policy"* (Ngoại giao công chúng và chính sách đối ngoại).

1.1.2. Các công trình nghiên cứu liên quan đến công tác thông tin đối ngoại và đảng cầm quyền lãnh đạo công tác thông tin đối ngoại

Joseph s. Nye Jr (2008), *Public Diplomacy and Soft Power* (*Ngoại giao công chúng và sức mạnh mềm*); Chu Hiểu Tín, Phùng Linh Chi (2008), *Xây dựng cơ chế phản hồi nhanh dư luận, tạo ra kênh thông tin thông suốt cho quyết sách của Đảng và Chính phủ*; Junhao Hong (2011), *From the World Largest Propaganda Machine to a Multipurposed Global News Agency: Factors in and Implications of Xinhua's Transformation since 1978* (*Từ cỗ máy tuyên truyền lớn nhất thế giới đến hãng thông tấn toàn cầu đa mục tiêu: Các yếu tố và ý nghĩa của sự chuyển đổi của Tân Hoa xã kể từ năm 1978*); Jian Wang (2014), *"From Propaganda to Public Diplomacy: Assessing China's International Practice and Its Image, 1950-2009"* (Từ tuyên truyền đến ngoại giao công chúng: Đánh giá thực tiễn quốc tế và hình ảnh của Trung Quốc, 1950-2009); Vu Lam (2015), "*Public Diplomacy: Why is it Rudimentary yet Relevant to Vietnam's Politics?"* (Ngoại giao công chúng: Tại sao còn sơ khai nhưng lại đặc biệt hệ trọng đối với chính trị Việt Nam?); David L. Paletz, Diana Owen và Timothy E. Cook (2017), *American Government and Politics in the Information Age* (*Chính phủ và Chính trị Hoa Kỳ trong Thời đại Thông tin*); Rogher H. Davidson và Walter J. Oleszek, (2019), *Congress and its members* (*Quốc hội và các thành viên*); Vu Lam (2021), *"Information and Communications Technologies, Online Activism, and Implications for Vietnam's Public Diplomacy"* (Công nghệ thông tin và truyền thông, hoạt động tích cực trực tuyến và những hàm ý đối với ngoại giao công chúng của Việt Nam); Yayoi

Kato (2021), *Party Ideology, Public Discourse, and Reform Governance in China: Playing the Language Game* (Ý thức hệ của Đảng, diễn ngôn công cộng và quản trị cải cách ở Trung Quốc: Trò chơi ngôn từ); Peter Jakobsson, Johan Lindell & Fredrik Stiernstedt (2022), *Media policy attitudes and political attitudes: the politization of media policy and the support for the 'media welfare state'* (*Thái độ chính sách truyền thông và thái độ chính trị: chính trị hóa chính sách truyền thông và sự ủng hộ cho nhà nước phúc lợi truyền thông*); Paul Pillar (2023), *Beyond the Water's Edge: How Partisanship Corrupts U.S. Foreign Policy (Vượt ra ngoài biên giới quốc gia: Sự bè phái làm tha hoá chính sách đối ngoại của Mỹ như thế nào?);* Thomas Graham (2023), *Getting Russia Right (Làm cho nước Nga đúng đắn)*; Nicole Talmacs & Altman Yuzhu Peng (eds.) (2024), *Communications in Contemporary China: Orchestrating Thinking* **(**Truyền thông ở Trung Quốc đương đại: Đồng điệu hóa tư duy); Vedat Demir & Carola Richter (eds.) (2025), *The Public Diplomacy of Authoritarian Regimes* **(**Ngoại giao công chúng của các chế độ độc quyền)

1.2. CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU Ở TRONG NƯỚC

1.2.1. Các công trình nghiên cứu về đối ngoại, thông tin đối ngoại

Khoa Tuyên truyền, Học viện Báo chí và Tuyên truyền (2006), *Nguyên lý Tuyên truyền*; Khoa Tuyên truyền Học viện Báo chí và Tuyên truyền (2006), *Tuyên truyền đối ngoại*; Nguyễn Thanh Sơn (2010), *Nhìn lại 6 năm thực hiện Nghị quyết 36 của Bộ Chính trị về cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài và những vấn đề đặt ra*; Nguyễn Văn Dững (2011), *Lý thuyết truyền thông*; Lê Thanh Bình - chủ biên (2012), *Giáo trình đại cương Truyền thông quốc tế*; Lê Thanh Bình (chủ biên) (2012), *Báo chí và thông tin đối ngoại*; Nguyễn Hoàng Giáp, Nguyễn Thị Quế (2013), *Chính sách đối ngoại Việt Nam thời kỳ đổi mới* ; Vũ Xuân Hồng (2013), *Để góp phần xứng đáng vào sự nghiệp phát triển mặt trận đối ngoại nhân dân*; Vũ Thanh Vân (2014), *Truyền thông quốc tế;* Trần Thị Thúy Hà (2014), *Hoạt động đối ngoại nhân dân trong đời sống chính trị Việt Nam và thế giới những năm đầu thế kỉ XXI*; Nguyễn Hữu Cát (chủ biên) (2015), *Đổi mới Thông tin*

đối ngoại trong thời kỳ hội nhập quốc tế ở Việt Nam; Nguyễn Thị Tình (2015), *Tìm hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh về đối ngoại nhân dân*; Vũ Dương Huân (2018), *Về chính sách đối ngoại và ngoại giao Việt Nam*; Nguyễn Thanh Hà (2018), *Công tác đối ngoại nhân dân góp phần quan trọng xây dựng đường biên giới Việt - Lào hòa bình hữu nghị, phát triển bền vững;* Nguyễn Văn Du, Ngô Chí Nguyện (2018), *Đối ngoại nhân dân trong quan hệ Việt Nam - Nhật Bản hiện nay;* Lưu Trần Toàn (2019), *Tuyên truyền hình ảnh Việt Nam ra thế giới qua báo chí đối ngoại trong giai đoạn hiện nay*; Nguyễn Thị Thương Huyền (2019), *Quy trình sản xuất sản phẩm báo chí đối ngoại ở Việt Nam hiện nay* ; Bùi Thị Vân (2021), *Quản lý nhà nước về báo chí đối ngoại ở Việt Nam hiện nay*; Nguyễn Ngọc Oanh, Nguyễn Thị Thương Huyền, Nguyễn Đồng Anh (2021), *Tổ chức sản xuất sản phẩm báo chí đối ngoại và truyền thông quốc tế*

1.2.2. Các công trình nghiên cứu liên quan đến công tác thông tin đối ngoại và Đảng lãnh đạo công tác thông tin đối ngoại

Phạm Gia Khiêm (2010), *Công tác thông tin đối ngoại góp phần quan trọng trong việc thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng*; Nguyễn Chí Thảo (2012), *Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo công tác thông tin đối ngoại (1991-2010)*; Lê Thanh Bình (2012), *Tổng quan truyền thông quốc tế - dành cho người làm công tác thông tin đối ngoại*; Nguyễn Quốc Bảo (2012), *Vận dụng tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh vào việc đổi mới đường lối đối ngoại của Đảng ta hiện nay* ; Lê Hồng Anh (2013), *Nâng cao tính chiến đấu, tính thuyết phục của các sản phẩm thông tin đối ngoại;* Nguyễn Thanh Sơn (2014), *Huy động hiệu quả nguồn lực của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài*; Nguyễn Phú Trọng (2014), *Công tác đối ngoại phải lấy lợi ích cơ bản, lâu dài của quốc gia dân tộc làm nền tảng*; Phạm Gia Khiêm (2015), *Nền ngoại giao toàn diện Việt Nam trong thời kỳ hội nhập*; Phạm Văn Linh (2016), *Một số vấn đề đổi mới nội dung, phương thức công tác tuyên giáo trong tình hình mới*; Lương Khắc Hiếu (2013), *Cơ sở lý luận công tác tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam*; Ban Đối ngoại Trung ương (2018), *Công tác thông tin đối ngoại - những điều cần biết*; Nguyễn

Phú Trọng (2021), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*; Nguyễn Mạnh Cường (2021), *Mối quan hệ giữa đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại nhân dân trong nền ngoại giao toàn diện Việt Nam;* Bùi Thanh Sơn (2022), *Ngoại giao Việt Nam vì sự nghiệp bảo vệ và phát triển đất nước dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII;* Nguyễn Phú Trọng (2023), *Xây dựng và phát triển nền đối ngoại, ngoại giao Việt Nam toàn diện, hiện đại, mang đậm bản sắc "cây tre Việt Nam*; Lê Hải Bình - Chủ biên (2023), *Công tác thông tin đối ngoại hướng tới các mục tiêu chiến lược năm 2030, tầm nhìn 2045*; Trần Thị Thanh (2024), *"Xây dựng thế trận lòng dân trên không gian mạng: Nhiệm vụ trọng tâm của thông tin đối ngoại hiện nay"*; Nguyễn Thị Trường Giang (2024), *Đổi mới công tác tuyên truyền chính trị trên mạng xã hội ở Việt Nam hiện nay*; Lê Hải (2024), *"Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với công tác thông tin đối ngoại trong kỷ nguyên số*; Bùi Thu Chang (2025), *Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo kinh tế đối ngoại lý luận và thực tiễn* ; Vũ Hoàng (2025), "*Ứng dụng công nghệ dữ liệu lớn (Big Data) và AI trong quản lý, định hướng thông tin đối ngoại"*; Phạm Minh Anh (2025), "Trường phái ngoại giao 'Cây tre Việt Nam' và sự phản ánh trong hệ thống thông tin đối ngoại đương đại"; Tô Lâm (2026), *Triển khai đường lối đối ngoại của Đảng trong giai đoạn mới tương xứng với tầm vóc lịch sử, văn hóa và vị thế của đất nước, góp phần hiện thực hoá các mục tiêu chiến lược của đất nước*

1.3. KHÁI QUÁT KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ LUẬN ÁN TẬP TRUNG NGHIÊN CỨU

1.3.1. Khái quát kết quả nghiên cứu các công trình khoa học liên quan đến đề tài

Thứ nhất, về mặt lý luận, nghiên cứu của các học giả trên thế giới và trong nước đã làm sáng tỏ những vấn đề lý luận cơ bản về công tác đối ngoại và TTĐN; *Thứ hai,* về thực tiễn, nhiều công trình nghiên cứu, nhất là các công trình nghiên cứu ở trong nước đã khảo sát, đánh giá thực trạng hoạt động đối ngoại; *Thứ ba*, về phương hướng và giải pháp, nhiều công

trình nghiên cứu đã dự báo những thuận lợi, khó khăn tác động đến công tác đối ngoại của Đảng, Nhà nước nói chung và công tác TTĐN nói riêng.

1.3.2. Những vấn đề luận án tập trung nghiên cứu

Thứ nhất, làm rõ những vấn đề lý luận về Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo công tác TTĐN; *Thứ hai,* khảo sát, đánh giá đúng thực trạng sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác TTĐN từ năm 2012 đến nay; *Thứ ba,* dự báo những thuận lợi, khó khăn tác động đến sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với công tác TTĐN

Chương 2
ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM LÃNH ĐẠO CÔNG TÁC THÔNG TIN ĐỐI NGOẠI - NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

2.1. THÔNG TIN ĐỐI NGOẠI VÀ CÔNG TÁC THÔNG TIN ĐỐI NGOẠI Ở VIỆT NAM

2.1.1. Thông tin đối ngoại ở Việt Nam

2.1.1.1. Khái niệm thông tin đối ngoại ở Việt Nam

Thông tin đối ngoại là một bộ phận quan trọng trong công tác tư tưởng và đối ngoại của Đảng, Nhà nước và Nhân dân ta nhằm làm cho thế giới hiểu rõ đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước, những thành tựu trong công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc của Việt Nam, lịch sử, văn hóa, đất nước, con người, những giá trị vật chất và tinh thần của dân tộc Việt Nam; đấu tranh chống lại những luận điệu xuyên tạc, chống phá Việt Nam; làm cho nhân dân thế giới hiểu rõ về Việt Nam; đồng thời tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ, hợp tác, giúp đỡ của bạn bè quốc tế, sự đồng thuận và đóng góp của đồng bào ta ở nước ngoài đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2.1.1.2. Nội dung thông tin đối ngoại ở Việt Nam

Một là, thông tin, tuyên truyền về đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam; Hai là, giới thiệu, quảng bá hình ảnh đất nước, con người, văn hóa và tiềm năng phát triển của Việt Nam; Ba là, thông tin, tuyên truyền đối ngoại phục vụ nhiệm vụ chính trị, kinh tế, quốc

phòng - an ninh và đối ngoại; Bốn là, đấu tranh phản bác các thông tin sai lệch, xuyên tạc; Năm là, thông tin phục vụ cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài

2.1.1.3. Hình thức thông tin đối ngoại ở Việt Nam

Một là, tuyên truyền trực tiếp; Hai là, tuyên truyền gián tiếp qua sản phẩm truyền thông đa phương tiện

2.1.1.4. Vai trò của thông tin đối ngoại ở Việt Nam

Một là, thông tin đối ngoại là công cụ quan trọng để tuyên truyền, quảng bá hình ảnh đất nước, con người và văn hóa Việt Nam ra thế giới; Hai *là, thông tin đối ngoại góp phần củng cố niềm tin, tạo đồng thuận và phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc*; *Ba là, thông tin đối ngoại là phương tiện bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng và đấu tranh phản bác thông tin sai lệch, thù địch*; *Bốn là, thông tin đối ngoại góp phần phục vụ hiệu quả đường lối đối ngoại và hội nhập quốc tế của Đảng và Nhà nước ta*; *Năm là, thông tin đối ngoại là kênh thúc đẩy hợp tác quốc tế, tăng cường sức mạnh mềm, uy tín và ảnh hưởng của Việt Nam trên trường quốc tế.*

2.1.2. Công tác thông tin đối ngoại ở Việt Nam - khái niệm, nội dung, vai trò và đặc điểm

2.1.2.1. Khái niệm công tác thông tin đối ngoại

C*ông tác thông tin đối ngoại là tổng thể các hoạt động của Đảng, Nhà nước, các tổ chức, lực lượng liên quan trong tuyên truyền, cung cấp thông tin chính thức về Việt Nam ra nước ngoài, quảng bá hình ảnh Việt Nam, làm cho các nước, người nước ngoài, người Việt Nam đang sinh sống, làm việc ở nước ngoài có nhận thức đúng đắn và có thái độ, hành vi tích cực về Việt Nam.*

2.1.2.2. Nội dung công tác thông tin đối ngoại ở Việt Nam

Thứ nhất, xác định nhiệm vụ, xây dựng mục tiêu, phương hướng, chương trình, kế hoạch hoạt động công tác thông tin đối ngoại; Thứ hai, tổ chức thực hiện các hoạt động thông tin đối ngoại theo nội dung, hình thức, chương trình, kế hoạch công tác thông tin đối ngoại đã đề ra; Thứ ba, xây dựng tổ chức và đội ngũ cán bộ làm công tác thông tin đối ngoại; Thứ tư,

phối hợp hoạt động giữa các tổ chức, lực lượng làm công tác thông tin đối ngoại; Thứ năm, tiến hành kiểm tra, sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm về công tác thông tin đối ngoại.

2.1.2.3. Vai trò của công tác thông tin đối ngoại

Thứ nhất, công tác TTĐN trực tiếp đưa quan điểm, chủ trương của Đảng, Nhà nước đến với bạn bè quốc tế và nhân dân trong nước; Thứ hai, công tác TTĐN góp phần tăng cường niềm tin của Nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, con đường đi lên CNXH; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; Thứ ba, công tác TTĐN làm cho các tầng lớp Nhân dân trong và ngoài nước, bạn bè quốc tế hiểu rõ, hiểu đúng những chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước ta và về tình hình đất nước; quan điểm và lập trường của Việt Nam trong các vấn đề quốc tế và khu vực; Thứ tư, công tác TTĐN góp phần củng cố sự đồng thuận xã hội, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của cộng đồng quốc tế; đồng thời, duy trì môi trường hòa bình, ổn định phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

2.1.2.4. Đặc điểm công tác thông tin đối ngoại ở Việt Nam

Thứ nhất, công tác TTĐN Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam quản lý, điều hành; Thứ hai, công tác thông tin đối ngoại Việt Nam được tiến hành trong bối cảnh đổi mới, mở cửa, hội nhập sâu rộng, vị thế quốc tế Việt Nam đang lên cao; nội dung và phương thức không ngừng được đổi mới và phát triển; Thứ ba, lực lượng tham gia công tác thông tin đối ngoại Việt Nam đông đảo, được tổ chức chặt chẽ, rộng rãi và thống nhất

2.2. ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM LÃNH ĐẠO CÔNG TÁC THÔNG TIN ĐỐI NGOẠI - KHÁI NIỆM, NỘI DUNG, PHƯƠNG THỨC VÀ VAI TRÒ

2.2.1. Khái niệm Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo công tác thông tin đối ngoại giai đoạn hiện nay

Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo công tác thông tin đối ngoại là tổng thể hoạt động lãnh đạo của Đảng thông qua việc hoạch định chủ trương, đường lối, chiến lược và định hướng lớn; lãnh đạo thể chế hóa, tổ

chức thực hiện, kiểm tra, giám sát và sơ kết, tổng kết thực tiễn công tác thông tin đối ngoại. Quá trình lãnh đạo đó nhằm bảo đảm sự thống nhất về chính trị, tư tưởng và hành động trong toàn hệ thống chính trị; giữ vững vai trò định hướng của Đảng đối với hoạt động thông tin đối ngoại; phát huy sức mạnh tổng hợp của các chủ thể tham gia; qua đó quảng bá hình ảnh đất nước, con người và nền văn hóa Việt Nam, nâng cao vị thế, uy tín quốc tế của quốc gia, bảo vệ vững chắc lợi ích quốc gia - dân tộc, góp phần thực hiện thắng lợi đường lối đối ngoại và sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

2.2.2. Nội dung Đảng lãnh đạo công tác thông tin đối ngoại

Một là, Đảng xác định quan điểm chủ trương, mục tiêu, nhiệm vụ của công tác thông tin đối ngoại; Hai là, lãnh đạo, chỉ đạo cấp uỷ, tổ chức đảng và chính quyền các cấp thể chế hóa chủ trương của Đảng và huy động các nguồn lực thực hiện công tác thông tin đối ngoại; Ba là, Đảng lãnh đạo xây dựng tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ làm công tác thông tin đối ngoại; Bốn là, lãnh đạo phối hợp hoạt động của các tổ chức như: Thông tấn xã Việt Nam, Đài truyền hình Việt Nam, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam làm công tác thông tin đối ngoại; Năm là, lãnh đạo sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm việc thực hiện công tác thông tin đối ngoại

2.2.3. Phương thức Đảng lãnh đạo công tác thông tin đối ngoại

Thứ nhất, Đảng lãnh đạo công tác thông tin đối ngoại bằng chủ trương, nghị quyết và các định hướng lớn; hứ hai, Đảng lãnh đạo công tác thông tin đối ngoại thông qua phát huy vai trò của Nhà nước trong thể chế hoá và tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng; Thứ ba, Đảng lãnh đạo công tác thông tin đối ngoại bằng công tác tuyên truyền, vận động và thuyết phục; Thứ tư, Đảng lãnh đạo công tác thông tin đối ngoại bằng công tác tổ chức và cán bộ; Thứ năm, Đảng lãnh đạo công tác thông tin đối ngoại thông qua các tổ chức đảng và phát huy tính tiên phong, gương mẫu của đội ngũ đảng viên; Thứ sáu, Đảng lãnh đạo công tác thông tin đối ngoại bằng công tác kiểm tra, giám sát

2.2.4. Vai trò lãnh đạo của Đảng đối với công tác thông tin đối ngoại

Một là, sự lãnh đạo của Đảng bảo đảm định hướng chính trị đúng đắn của công tác thông tin đối ngoại; Hai là, sự lãnh đạo của Đảng bảo đảm phối hợp chặt chẽ và phát huy sức mạnh tổng hợp của các tổ chức, lực lượng tham gia công tác thông tin đối ngoại; Ba là, sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố bảo đảm thành công của công tác thông tin đối ngoại

Tiểu kết chương 2

Trên cơ sở tiếp cận lý luận và thực tiễn, chương này đã làm rõ khái niệm Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo công tác TTĐN giai đoạn hiện nay. Chương đã phân tích những nội dung cơ bản sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác TTĐN, bao gồm: định hướng chính trị và chiến lược cho hoạt động TTĐN; lãnh đạo xây dựng hệ thống tổ chức, lực lượng tham gia công tác TTĐN; lãnh đạo việc xây dựng cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức; và lãnh đạo công tác kiểm tra, giám sát, tổng kết thực tiễn, phát triển lý luận về TTĐN. Bên cạnh đó, chương cũng làm rõ các phương thức lãnh đạo chủ yếu của Đảng như: lãnh đạo bằng cương lĩnh, nghị quyết, chỉ thị; thông qua hệ thống tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên; thông qua công tác tuyên truyền, vận động và kiểm tra, giám sát trong quá trình tổ chức thực hiện.

Chương 3
ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM LÃNH ĐẠO CÔNG TÁC THÔNG TIN ĐỐI NGOẠI -THỰC TRẠNG, NGUYÊN NHÂN VÀ KINH NGHIỆM

3.1. THỰC TRẠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM LÃNH ĐẠO CÔNG TÁC THÔNG TIN ĐỐI NGOẠI

3.1.1. Những ưu điểm

3.1.1.1. Về thực hiện nội dung lãnh đạo

Một là, việc xác định quan điểm, mục tiêu và nhiệm vụ công tác thông tin đối ngoại của Đảng luôn bám sát thực tiễn, khá kịp thời, có nhiều

chuyển biến tích cực và ngày càng rõ nét; Hai là, Đảng đã thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo cấp uỷ, tổ chức đảng và chính quyền các cấp quán triệt và tổ chức thực hiện tốt công tác thông tin đối ngoại; Ba là, Đảng đặc biệt quan tâm lãnh đạo xây dựng, kiện toàn tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ làm công tác thông tin đối ngoại; Bốn là, Đảng lãnh đạo phối hợp hoạt động của các tổ chức, lực lượng thực hiện công tác thông tin đối ngoại đạt được những kết quả thiết thực; Năm là, Đảng lãnh đạo, chỉ đạo sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm việc thực hiện công tác thông tin đối ngoại một cách thường xuyên và kịp thời.

3.1.1.2. Về thực hiện phương thức lãnh đạo

Một là, Đảng lãnh đạo công tác thông tin đối ngoại bằng nghị quyết, chỉ thị, kết luận và định hướng lớn đạt được nhiều thành tựu nổi bật; Hai là, việc phát huy vai trò của Nhà nước trong thể chế hóa và tổ chức thực hiện công tác thông tin đối ngoại của Đảng đạt được nhiều kết quả to lớn, thiết thực; Ba là, Đảng lãnh đạo công tác thông tin đối ngoại thông qua công tác tuyên truyền, vận động, thuyết phục đạt được nhiều kết quả tích cực; Bốn là, Đảng lãnh đạo công tác thông tin đối ngoại bằng công tác tổ chức, cán bộ có chuyển biến mạnh mẽ, tích cực và rõ nét; Năm là, Đảng lãnh đạo phát huy tốt vai trò của các tổ chức đảng và tính tiên phong, gương mẫu của đội ngũ đảng viên hoạt động trong lĩnh vực thông tin đối ngoại; Sáu là, Đảng đã tiến hành công tác kiểm tra, giám sát một cách thường xuyên và kịp thời đối với cấp uỷ, tổ chức đảng trong các cơ quan thông tin đối ngoại.

3.1.2. Hạn chế, khuyết điểm

3.1.2.1. Về thực hiện nội dung lãnh đạo

Một là, việc xác định quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ công tác thông tin đối ngoại có mặt chưa theo kịp sự phát triển của thực tiễn; Hai là, một số cấp uỷ, tổ chức đảng và chính quyền quán triệt và tổ chức thực hiện công tác thông tin đối ngoại chưa thật nghiêm túc, hiệu quả chưa cao; Ba là, tổ chức bộ máy có mặt còn chưa hợp lý, thiếu tính chuyên nghiệp; phẩm chất,

năng lực của một bộ phận cán bộ làm công tác thông tin đối ngoại còn hạn chế, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; Bốn là, sự phối hợp hoạt động của các lực lượng trong thực hiện công tác thông tin đối ngoại có lúc còn thiếu chặt chẽ, chưa nhịp nhàng; Năm là, việc sơ kết, tổng kết sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thông tin đối ngoại ở một số nơi còn mang tính hình thức, hiệu quả chưa cao.

3.1.2.2. Về thực hiện phương thức lãnh đạo

Một là, lãnh đạo công tác thông tin đối ngoại bằng nghị quyết, chỉ thị, kết luận và định hướng lớn có lúc chưa theo kịp sự phát triển của tình hình; Hai là, vai trò của Nhà nước trong thể chế hóa và tổ chức thực hiện công tác thông tin đối ngoại có lúc chưa được phát huy đầy đủ và kịp thời.; Ba là, việc lãnh đạo bằng tuyên truyền, vận động, thuyết phục trong thực hiện công tác thông tin đối ngoại có lúc còn bị động, lúng túng; Bốn là, việc lãnh đạo công tác thông tin đối ngoại bằng công tác tổ chức, cán bộ còn những bất cập, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu tình hình mới; Năm là, vai trò của các tổ chức đảng và đội ngũ đảng viên công tác trong lĩnh vực thông tin đối ngoại chưa được phát huy đầy đủ, có lúc, có nơi hiệu quả chưa cao; Sáu là, việc lãnh đạo công tác thông tin đối ngoại bằng kiểm tra, giám sát có lúc, có nơi còn mang tính hình thức, hiệu quả chưa cao.

3.2. NGUYÊN NHÂN VÀ KINH NGHIỆM

3.2.1. Nguyên nhân của thực trạng

3.2.1.1. Nguyên nhân của những ưu điểm

Một là, nhận thức sâu sắc của Đảng về đối ngoại và công tác thông tin đối ngoại trong tình hình mới; Hai là, những thành tựu to lớn của đất nước sau 40 năm đổi mới tạo điều kiện thuận lợi cho công tác thông tin đối ngoại; Ba là, sự tham gia tích cực, tự giác của các tổ chức, lực lượng trong hệ thống chính trị và Nhân dân đối với công tác thông tin đối ngoại.

3.2.1.2. Nguyên nhân của những hạn chế

Một là, nhận thức của một số cấp ủy về vai trò của thông tin và công tác thông tin đối ngoại chưa thật sự đầy đủ; Hai là, năng lực lãnh đạo, sức

chiến đấu của một số cấp ủy, tổ chức đảng ở các cơ quan làm công tác thông tin đối ngoại còn có những hạn chế, bất cập, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu lãnh đạo công tác thông tin đối ngoại; Ba là, trình độ, năng lực của một bộ phận cán bộ, công chức trong các cơ quan làm công tác thông tin đối ngoại có mặt còn hạn chế, bất cập, có mặt chưa đáp ứng yêu cầu của thời kỳ mới; Bốn là, sự phát triển mạnh mẽ, nhanh chóng của truyền thông quốc tế, của internet và mạng xã hội đặt ra nhiều thách thức đối với công tác thông tin đối ngoại; Năm là, nguồn lực bảo đảm cho công tác thông tin đối ngoại còn có hạn chế, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu nhiệm vụ công tác thông tin đối ngoại trong thời kỳ mới.

3.2.2. Một số kinh nghiệm

Một là, luôn bám sát thực tiễn và sự phát triển của truyền thông quốc tế để kịp thời thể chế hóa, cụ thể hóa quan điểm, chủ trương lãnh đạo công tác thông tin đối ngoại; Hai là, thường xuyên chăm lo xây dựng, củng cố tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ chuyên trách đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới; Ba là, chú trọng sự lãnh đạo của Đảng đối với việc phối hợp đồng bộ giữa các lực lượng nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp trong công tác thông tin đối ngoại; Bốn là, coi trọng tổng kết thực tiễn, sơ kết rút kinh nghiệm để không ngừng đổi mới tư duy và phương thức lãnh đạo của Đảng.

Tiểu kết chương 3

Những năm qua, Đảng Cộng sản Việt Nam đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo tiến hành công tác TTĐN và đạt được những kết quả to lớn, thiết thực cả về nội dung và phương thức lãnh đạo; góp phần quan trọng thúc đẩy sự phát triển toàn diện về kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại của đất nước; thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN.

Chương 4
PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM ĐỐI VỚI CÔNG TÁC THÔNG TIN ĐỐI NGOẠI ĐẾN NĂM 2035, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

4.1. DỰ BÁO NHỮNG YẾU TỐ TÁC ĐỘNG VÀ PHƯƠNG HƯỚNG TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM ĐỐI VỚI CÔNG TÁC THÔNG TIN ĐỐI NGOẠI ĐẾN NĂM 2035

4.1.1. Dự báo những yếu tố tác động đến sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với công tác thông tin đối ngoại đến năm 2035

4.1.1.1. Những yếu tố thuận lợi

**** Bối cảnh thế giới và khu vực***

Một là, xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng; Hai là, hoà bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn và là nguyện vọng chung của nhân dân tiến bộ trên toàn thế giới, đây chính là cơ sở cho mở rộng hợp tác, phát triển; *Ba là, sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin, truyền thông số, đặc biệt là internet và mạng xã hộ; Bốn là, quan hệ khu vực ổn định và hợp tác ngày càng sâu rộng*

**** Bối cảnh trong nước***

Một là, sự ổn định chính trị - xã hội và vai trò lãnh đạo toàn diện của Đảng; Hai là, kinh tế - xã hội phát triển và hội nhập quốc tế của Việt Nam tiếp tục đạt thành tựu mới; Ba là, tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ làm công tác thông tin đối ngoại tiếp tục được củng cố và kiện toàn và nâng cao cả về số lượng và chất lượng; Bốn là, nhận thức xã hội về vai trò của thông tin đối ngoại ngày càng được nâng cao

4.1.1.2. Những khó khăn, thách thức

Thứ nhất, bối cảnh thế giới và khu vực diễn biến nhanh chóng, phức tạp, khó dự báo, đặt ra yêu cầu đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công

tác thông tin đối ngoại; Thứ hai, sự bùng nổ thông tin và nguy cơ "nhiễu loạn thông tin"; Thứ ba, các thế lực thù địch tiếp tục gia tăng các hoạt động tuyên truyền xuyên tạc, chống phá cách mạng Việt Nam.

**** Bối cảnh trong nước***

Thứ nhất, trình độ khoa học - công nghệ và nhân lực chất lượng cao để phát triển công tác thông tin đối ngoại ở Việt Nam còn nhiều hạn chế; Thứ hai, hệ thống cơ chế, chính sách về công tác thông tin đối ngoại còn chưa đồng bộ; Thứ ba, việc sắp xếp, kiện toàn, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị những năm tiếp theo đặt ra không ít những vấn đề cần tiếp tục hoàn thiện; Thứ tư, chất lượng và năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác thông tin đối ngoại sẽ còn nhiều bất cập; Thứ năm, nguồn lực đầu tư thực hiện các nhiệm vụ của thông tin đối ngoại còn hạn chế và phân tán

4.1.2. Phương hướng tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thông tin đối ngoại đến năm 2035

4.1.2.1. Khẳng định vai trò lãnh đạo toàn diện của Đảng trong công tác thông tin đối ngoại, đảm bảo định hướng chính trị, tư tưởng đúng đắn

4.1.2.2.Tăng cường xây dựng hệ thống chính sách, pháp luật, cơ chế phù hợp để hỗ trợ hiệu quả cho công tác thông tin đối ngoại

4.1.2.3. Đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức thông tin đối ngoại, đảm bảo phù hợp với xu thế hội nhập quốc tế và nhu cầu tiếp nhận thông tin của từng đối tượng

4.1.2.4. Xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác thông tin đối ngoại có năng lực chuyên môn cao, đạo đức tốt, đáp ứng yêu cầu của thời kỳ mới

4.1.2.5. Huy động mọi nguồn lực trong nước và quốc tế, phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức để thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ thông tin đối ngoại

4.1.2.6. Chủ động đấu tranh, phản bác thông tin sai trái, thù địch; bảo đảm thông tin chính xác, kịp thời, hiệu quả

4.2. NHỮNG GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM ĐỐI VỚI CÔNG TÁC THÔNG TIN ĐỐI NGOẠI ĐẾN NĂM 2035

4.2.1. Tăng cường giáo dục, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng và chính quyền các cấp về sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thông tin đối ngoại

Một là, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các tổ chức, lực lượng về vị trí, vai trò của công tác thông tin đối ngoại; Hai là, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các tổ chức, lực lượng về sự cần thiết phải tăng cường lãnh đạo của Đảng đối với công tác thông tin đối ngoại; Ba là, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các tổ chức, lực lượng về nội dung, phương thức và vai trò Đảng lãnh đạo công tác thông tin đối ngoại; Bốn là, nâng cao nhận thức, trách nhiệm về chức trách, nhiệm vụ của các tổ chức, lực lượng trong thực hiện công tác thông tin đối ngoại.

4.2.2. Đổi mới việc ban hành và tổ chức thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng về công tác thông tin đối ngoại

Một là, bám sát thực tiễn để xây dựng các Nghị quyết, ban hành chiến lược công tác thông tin đối ngoại trong kỷ nguyên mới; Hai là, Đảng lãnh đạo Nhà nước để thể chế hóa chiến lược, các nghị quyết, chỉ thị của Đảng thành chính sách, kế hoạch triển khai cụ thể; Ba là, ban hành quy chế, hướng dẫn phân công, phân cấp, phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ rõ ràng, thống nhất; Bốn là, tổ chức nghiên cứu, tổng kết chuyên sâu và xây dựng chiến lược thông tin đối ngoại trên nền tảng số; Năm là, ban hành chỉ thị cụ thể hóa trách nhiệm tổ chức thực hiện theo nguyên tắc "thống nhất - chuyên nghiệp - đồng bộ"; Sáu là, thiết lập cơ chế kiểm tra, đánh giá thường xuyên và cơ chế phản ứng nhanh theo chỉ thị, chiến lược đã ban hành.

4.2.3. Lãnh đạo đổi mới nội dung, phương thức thông tin đối ngoại, nhất là tập trung làm tốt công tác tuyên truyền về những thành tựu của 40 năm đổi mới và số hóa các hình thức, phương pháp tuyên truyền

4.2.3.1. Đổi mới và thực hiện tốt nội dung thông tin đối ngoại

Một là, chú trọng xây dựng nội dung thông tin phong phú, hấp dẫn, phù hợp với từng nhóm đối tượng quốc tế; Hai là, tăng cường sử dụng các nền tảng công nghệ hiện đại như mạng xã hội, truyền thông số để lan tỏa thông điệp hiệu quả hơn; Ba là, lãnh đạo xây dựng hệ thống nội dung TTĐN cốt lõi, chuyên sâu, mang tính lan tỏa cao.

4.2.3.2. Đổi mới và thực hiện tốt phương thức thông tin đối ngoại

Một là, lãnh đạo chuyển đổi mạnh mẽ phương thức truyền thông, ưu tiên ứng dụng công nghệ số và truyền thông đa nền tảng; Hai là, lãnh đạo thiết lập cơ chế kiểm soát chất lượng và cơ chế đối thoại, tăng cường hiệu quả thông tin đối ngoại.

4.2.4. Tăng cường lãnh đạo công tác phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị trong thực hiện công tác thông tin đối ngoại

Một là, thiết lập cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa các bộ, ngành, địa phương, cơ quan báo chí và tổ chức quốc tế; Hai là, xây dựng các chương trình hợp tác liên ngành nhằm nâng cao hiệu quả thông tin đối ngoại; Ba là, hoàn thiện, chuẩn hóa cơ chế phối hợp liên ngành và quy định rõ ràng về trách nhiệm người đứng đầu; Bốn là, tăng cường sự lãnh đạo thông qua cơ chế giao ban, sơ kết định kỳ và thành lập Ban Chỉ đạo chuyên trách liên ngành; Năm là, lãnh đạo xây dựng đội ngũ cán bộ có năng lực phối hợp và ứng dụng nền tảng công nghệ dùng chung để chia sẻ thông tin.

4.2.5. Chú trọng lãnh đạo xây dựng, kiện toàn tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ làm công tác thông tin đối ngoại có phẩm chất, năng lực đáp ứng yêu cầu thời kỳ mới

Một là, thành lập, kiện toàn các Ban Chỉ đạo công tác thông tin đối ngoại từ Trung ương đến địa phương; Hai là, nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ đạo thông tin đối ngoại theo hướng tinh gọn, hiệu lực; Ba là, xây dựng Chiến lược cán bộ thông tin đối ngoại, chú trọng tuyển chọn và bồi dưỡng chuyên sâu về chuyên môn, ngoại ngữ và kỹ năng số; Bốn là, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ có năng lực ngoại ngữ, hiểu biết

sâu rộng về chính trị, văn hóa và kỹ năng truyền thông; Năm là, lãnh đạo thực hiện cơ chế luân chuyển, đãi ngộ hợp lý và tăng cường đánh giá, kiểm tra chất lượng đội ngũ cán bộ thông tin đối ngoại.

4.2.6. Tăng cường nguồn lực cho công tác thông tin đối ngoại, nhất là nguồn lực dành cho việc chuyển đổi số của các cơ quan làm công tác thông tin đối ngoại, cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài

Một là, đầu tư tài chính, trang thiết bị hiện đại và cơ sở hạ tầng phục vụ công tác thông tin đối ngoại; Hai là, bổ sung kinh phí cho các hoạt động tuyên truyền đối ngoại của các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài; Ba là, lãnh đạo đa dạng hóa nguồn vốn, huy động mạnh mẽ nguồn lực ngoài ngân sách và xã hội hóa công tác thông tin đối ngoại; Bốn là, lãnh đạo tăng cường đầu tư trang thiết bị công nghệ, hạ tầng số và tạo môi trường làm việc hiện đại cho các cơ quan thông tin đối ngoại.

4.2.7. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết trong thực hiện nhiệm vụ công tác thông tin đối ngoại

Một là, đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, chương trình về thông tin đối ngoại; Hai là, kịp thời phát hiện và xử lý các vấn đề bất cập, đưa ra các điều chỉnh phù hợp với thực tiễn; Ba là, lãnh đạo xây dựng và hoàn thiện quy chế, quy trình kiểm tra, giám sát chuyên biệt đối với công tác thông tin đối ngoại; Bốn là, tăng cường kiểm tra, giám sát trọng tâm, trọng điểm, kết hợp công tác kiểm tra thường xuyên với giám sát đột xuất thông qua công nghệ; Năm là, nâng cao chất lượng kết luận kiểm tra, giám sát và tăng cường công khai, minh bạch trong xử lý vi phạm.

Tiểu kết Chương 4

Trên cơ sở dự báo bối cảnh quốc tế, khu vực và trong nước đến năm 2035, Chương 4 đã xác định những yêu cầu mới đặt ra đối với sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với công tác TTĐN trong điều kiện chuyển đổi số, cạnh tranh thông tin toàn cầu và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng qua đó đề xuất hệ thống quan điểm và các giải pháp chủ yếu nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác TTĐN đến năm 2035.

Các giải pháp được xây dựng theo hướng đồng bộ, có mối quan hệ chặt chẽ, bổ sung và hỗ trợ lẫn nhau, tập trung vào đổi mới nhận thức và tư duy lãnh đạo; hoàn thiện chủ trương, cơ chế, chính sách; đổi mới phương thức lãnh đạo; kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ; tăng cường ứng dụng khoa học - công nghệ, chuyển đổi số; phát huy sức mạnh tổng hợp của cả HTCT và các lực lượng tham gia công tác TTĐN.

KẾT LUẬN

Trên cơ sở vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng về công tác tư tưởng, công tác đối ngoại và TTĐN, luận án đã luận giải, làm sáng tỏ cơ sở lý luận về sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác TTĐN; xây dựng và hoàn thiện khái niệm, xác định rõ nội dung, phương thức lãnh đạo, đồng thời phân tích các yếu tố tác động và tiêu chí đánh giá hiệu quả sự lãnh đạo của Đảng trong lĩnh vực này. Kết quả nghiên cứu khẳng định sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác TTĐN là yêu cầu khách quan, giữ vai trò quyết định trong việc bảo đảm định hướng chính trị, tư tưởng, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả HTCT, kết hợp chặt chẽ giữa đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại nhân dân nhằm thực hiện thắng lợi đường lối đối ngoại của Đảng trong tình hình mới.

Trên cơ sở dự báo bối cảnh quốc tế và trong nước đến năm 2035, luận án đề xuất hệ thống quan điểm và giải pháp nhằm tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng đối với công tác TTĐN theo hướng khoa học, hiện đại và hiệu quả; nâng cao chất lượng hoạch định chủ trương, hoàn thiện cơ chế phối hợp, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ mới và phát huy sức mạnh tổng hợp của các chủ thể tham gia công tác TTĐN. Đây cũng là cơ sở tham khảo có giá trị đối với các cơ quan lãnh đạo, quản lý, các cơ sở đào tạo, nghiên cứu và đội ngũ cán bộ trực tiếp làm công tác TTĐN trong quá trình triển khai đường lối đối ngoại của Đảng, góp phần xây dựng nền TTĐN chuyên nghiệp, hiện đại, có sức lan tỏa quốc tế, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong kỷ nguyên phát triển mới.

CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1. Nguyễn Thị Mai Anh (2025), *"Xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác thông tin đối ngoại đáp ứng yêu cầu của tình hình mới"*, Tạp chí Cộng sản điện tử ngày 3/9/2025.
2. Nguyễn Thị Mai Anh (2025), *"Nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng đối với công tác thông tin đối ngoại"*, Tạp chí Lý luận chính trị, số đặc biệt, tháng 10, tr.65.
3. Nguyễn Thị Mai Anh (2025), *"Đảng lãnh đạo công tác thông tin đối ngoại - những nhân tố tác động và một số kinh nghiệm"*, Tạp chí Lý luận chính trị và Truyền thông, tr.38.
4. Nguyễn Thị Mai Anh (2026), *"Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị phục vụ hiệu quả cho công tác thông tin đối ngoại giai đoạn hiện nay",* Tạp chí Giáo chức Việt Nam, tr.14.